| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH THÁI BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 113/2020/QĐST-HNGĐ | *V, ngày 28 tháng 8 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 158/2020/TLST-VDS ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998;

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về quan hệ hôn nhân**:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/9/2016. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến đầu năm 2019 thì xảy

ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị kết hôn đã khá lâu nhưng không có con chung. Vợ chồng đã đi chữa trị nhiều nơi nhưng không có kết quả. Từ ngày 01/4/2019, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn M, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị T và anh H đều xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị.

**[2] Về quan hệ con chung**:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[3] Về quan hệ tài sản**: Chị T, anh H thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

**[4] Về lệ phí:** Chị T, anh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của chị T, anh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

1.3 Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2**. Về lệ phí Tòa án: Chị T và anh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ

thẩm đã nộp tại Biên lai số 0003919 và Biên lai số 0003920 ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu HCTP.

**THẨM PHÁN**
*(Đã ký)*